

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị T**, sinh năm 1991; HKTT: **Thôn F, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**; nơi ở hiện nay: **Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương** (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hà Văn H**, sinh năm 1986; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: **Thôn F, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Nơi ở hiện nay: **D** (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Hà Văn H1**, sinh năm 1962; Địa chỉ: **thôn F, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương** (có quan điểm xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Tạ Thị T** trình bày:*

Chị và anh **Hà Văn H** được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương** vào ngày 05/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** không có công việc ổn định, chơi bời cờ bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Cuối năm 2022, anh **H** đi xuất khẩu lao động tại **D**. Vợ chồng

sống xa cách nên càng xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn, anh **H** không gửi tiền về để chị nuôi các con. Đầu năm 2024, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mặc dù mâu thuẫn của hai anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H**.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là **Hà Đức D**, sinh ngày 26/10/2014 và **Hà Gia B**, sinh ngày 08/3/2017. Hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu **B** và giao cháu **D** cho anh **H** nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh **H** ở nước ngoài, chị nhờ ông bà nội chăm sóc cháu **D** cho đến khi anh **H** về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị **T** không cung cấp được địa chỉ của anh **Hà Văn H** ở **D** nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh **H**. Ông **Hà Văn H1** (là bố đẻ của anh **H**) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh **H** ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh **H** vẫn thỉnh thoảng liên lạc với gia đình ông qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **H** biết. Thông qua gia đình, anh **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** làm đơn xin ly hôn, anh **H** đồng ý. Về con chung: Anh **H** xác định vợ chồng có 02 con chung như chị **T** trình bày. Khi ly hôn, anh **H** xin được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian ở nước ngoài, anh **H** nhờ vợ chồng ông chăm sóc các cháu, ông nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H** không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị **T** vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh **H** vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **H1** có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Tạ Thị T** được ly hôn anh **Hà Văn H**. Về con

chung: Giao cho chị **T** được nuôi dưỡng con chung là **Hà Gia B**, sinh ngày 08/3/2017; giao cho anh **H** được nuôi dưỡng con chung là **Hà Đức D**, sinh ngày 26/10/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh **H** ở nước ngoài, tạm giao cháu **D** cho ông **Hà Văn H1** nuôi dưỡng. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh **Hà Văn H** hiện đang sinh sống và làm việc tại **D**, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** không cung cấp được địa chỉ của anh **H** tại **D**. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị **T** và gia đình anh **H** cung cấp địa chỉ, nhưng chị **T** và gia đình anh **H** không cung cấp được. Ông **Hà Văn H1** là bố đẻ anh **H** xác định anh **H** thỉnh thoảng vẫn liên lạc với gia đình, ông đã thông báo về việc chị **T** có đơn xin ly hôn, anh **H** không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Tại phiên tòa, chị **T**, ông **H1** vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **H** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tạ Thị T** và anh **Hà Văn H** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương** vào ngày 05/3/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị **T** xác định vợ chồng chung sống không có hạnh phúc; nguyên nhân do anh **H** chơi bời cờ bạc, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2024, chị **T** đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh **H** có quan điểm đồng ý ly hôn chị **T**. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **H** đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan

tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị **T** được ly hôn anh **H** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị **T** và anh **H** có 02 con chung là **Hà Đức D**, sinh ngày 26/10/2014 và **Hà Gia B**, sinh ngày 08/3/2017. Hiện các cháu đang ở cùng ông **Hà Văn H1**. Sau khi ly hôn, chị **T** có quan điểm mỗi người nuôi 01 con, chị xin nuôi cháu **B** và giao cháu **D** cho anh **H** nuôi dưỡng. Anh **H** có quan điểm xin được nuôi cả 02 con chung và nhờ ông nội là **Hà Văn H1** chăm sóc các cháu trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy: Hiện nay chị **T** đang ở Việt Nam, anh **H** đang ở nước ngoài nhưng nhờ ông **H1** là bố đẻ chăm sóc con trong thời gian anh không ở Việt Nam, ông **H1** nhất trí. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con, cần giao cho chị **T** và anh **H** mỗi người nuôi một con là phù hợp. Cháu **B** có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ nên cần tiếp tục giao cháu **B** cho chị **T** nuôi dưỡng; giao cháu **D** cho anh **H** nuôi dưỡng. Trong thời gian anh **H** ở nước ngoài, tạm giao cháu **D** cho ông **Hà Văn H1** (ông nội) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh **H** về Việt Nam. Chị **T** và anh **H** tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Tạ Thị T** ly hôn anh **Hà Văn H**.
2. Về con chung: Giao cho chị **Tạ Thị T** được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Hà Gia B**, sinh ngày 08/3/2017; giao cho anh **Hà Văn H** được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Hà Đức D**, sinh ngày 26/10/2014 kể từ tháng 06/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu **D** cho ông **Hà Văn H1** nuôi dưỡng trong thời gian anh **H** không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Tạ Thị T** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000524 ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị **T** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Tạ Thị T**, ông **Hà Văn H1** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh **Hà Văn H** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

